

Bản án số:12/2021/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2021

*“V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thái
2. Bà Lê Thị Bích Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/TLST - DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 “V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXX - ST ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng NN&PT NTVN.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Tiết Văn T là ông Ngô Ngọc T; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN&PT NTVN chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc (Theo quyết định uỷ quyền số 2965/ QĐ- NHNo- PC ngày 27/12/2019).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ngô Ngọc T là bà Đỗ Thị Hương G- Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch N thuộc Ngân hàng NN&PT NTVN- chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc (Theo quyết định uỷ quyền số 12/QĐ- NHNo.VP- KTNB ngày 23 tháng 3 năm 2020), “có mặt”.

Bị đơn: Ông Chu Đức D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Chu Quang Đ và bà Hoàng Thị N.

Đều trú tại: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Ông Vương Quốc L, sinh năm 1957.

- Bà Hoàng Thị S, mẹ ông L (đã chết)

- Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1947.

- Anh Vương Quốc H, sinh năm 1988.

- Chị Vương Thị Kim H, sinh năm 1985.

Đều trú tại: Thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội, “đều vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 5 tháng 5 năm 2020 và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/3/2010, Ngân hàng Agribank thông qua PGD N - Agribank Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc đã ký kết với ông Chu Đức D Hợp đồng tín dụng số 2800134122304, theo đó Ngân hàng đã cho ông D vay số tiền 600.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 18/8/2010, do ông D có nhu cầu vay thêm 400.000.000 đồng nên Ngân hàng Agribank đã ký kết với ông Chu Đức D Hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-2010000212, chuyển toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 2800134122304 ngày 04/3/2010 sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2010. Theo đó: Số tiền gốc ông D vay là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng (Kể từ ngày ký hợp đồng); lãi suất vay: 19.5%/năm; mục đích vay: Kinh doanh mua bán phụ tùng xe có động cơ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 25/2/2010, giữa Ngân hàng và ông Chu Đức D và hộ gia đình ông Vương Quốc L đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất QSDĐ số U 901112, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4, diện tích: 206m², do UBND huyện Đ (Hà Nội) cấp ngày 26/3/2003 tại địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; đứng tên hộ gia đình ông Vương Quốc L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bảo đảm cho khoản vay 600 triệu.

Ngày 12/8/2010, giữa Ngân hàng, ông Chu Đức D và hộ gia đình ông Chu Quang Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là: đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hộ gia đình ông Chu Quang Đ QSDĐ số W 210420, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 397, diện tích: 608m², do UBND huyện Bình Xuyên cấp ngày 18/10/2002 tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện B, Vĩnh Phúc, đứng tên hộ ông Chu Quang Đ để đảm bảo cho khoản vay 400 triệu.

Theo nhu cầu sử dụng vốn của ông Chu Đức D, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông D vay, số tiền: 1.000.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 30/4/2020 Ông Chu Đức D mới trả được cho Ngân hàng số tiền 91.427.778 đồng (Trong đó: Tiền gốc: 33,400,000 đồng, tiền lãi 58.027.778 đồng) sau đó ông Chu Đức D không trả được cho Ngân hàng nữa.

Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết:

Buộc ông Chu Đức D thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các phí, chi phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã nêu ở trên cho đến ngày 30/04/2020, cho Ngân hàng số tiền gốc là: 966,300,000 đồng. Tiền lãi phải trả theo hợp đồng tín dụng và lãi phạt quá hạn là: 1,237,702,114 đồng. Tổng số tiền ông Chu Đức D còn nợ là: 2,204,002,114 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, tính đến ngày 29/9/2021 Ông Chu Đức D còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 966,300,000 đồng. Tiền lãi phải trả theo hợp đồng tín dụng và lãi phạt quá hạn là: 1.454.156.795 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 2.420.456.795 đồng, ông Chu Đức D phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.420.456.795 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc tính từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Ông Chu Đức D phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản nợ gốc là 966.300.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-2010000212 ngày 18 tháng 8 năm 2010.

- Trong trường hợp nếu ông Chu Đức D không trả số tiền nợ gốc, lãi trên. Đề nghị Tòa án xử lý, bán phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi vốn vay cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì buộc ông Chu Đức D tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến khi trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thì Agribank thông qua PGD N- Agribank Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Chu Đức D để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Chu Đức D trình bày: Ông và Ngân hàng Agribank -Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-2010000212. Theo đó, Ngân hàng đã cho ông Chu Đức D vay vốn, cụ thể: Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng (Kể từ ngày ký hợp đồng); lãi suất vay: 19.5%/năm; mục đích vay: Mua bán phụ tùng xe có động cơ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 25/2/2010, giữa Ngân hàng và ông Chu Đức D và hộ gia đình ông Vương Quốc L đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất QSDĐ số U 901112, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4, diện tích: 206m², do UBND huyện Đ (Hà Nội) cấp ngày 26/3/2003 tại địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; đứng tên hộ gia đình ông Vương Quốc L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Ngày 12/8/2010, giữa Ngân hàng, ông Chu Đức D và hộ gia đình ông Chu Quang Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là: đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hộ gia đình ông Chu Quang Đ QSDĐ số W 210420, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 397, diện tích: 608m², do UBND huyện Bình Xuyên cấp ngày 18/10/2002 tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện B, Vĩnh Phúc, đứng tên hộ ông Chu Quang Đ.

Tuy nhiên do làm ăn gặp khó khăn ông D đã không trả được số tiền còn lại cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã khởi kiện ông ra Tòa án, đối với khoản vay này bản thân một mình ông là người ký vay ngân hàng và sử dụng tiền vay không Liên quan đến bất cứ ai, ông sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khi có khả năng trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quan là ông Vương Quốc L và bà Nguyễn Thị Như H trình bày: Do có mối quan hệ thông gia với nhau với ông Chu Đức D (con gái ông bà là chị Vương Thị Kim H lấy em trai của ông Chu Đức D là anh Chu Đức Đoàn); vì lý do làm ăn nên ông Chu Đức D có đề nghị gia đình ông cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất QSDĐ số U 901112, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4, diện tích: 206m², do UBND huyện Đ (Hà Nội) cấp ngày 26/3/2003 tại địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; đứng tên hộ gia đình ông Vương Quốc L để cho ông D thế chấp vay Ngân hàng Agribank - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc vay 1.000.000.000 đồng, cả hộ gia đình ông (gồm mẹ ông là Hoàng Thị S (đã chết năm 2017) và vợ ông là Nguyễn Thị Như H cùng 2 con là Vương Quốc H, Vương Thị Kim H) đều đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên cho ông D vay tiền ngân hàng. Đối với số tiền vay ngân hàng này của ông Chu Đức D gia đình ông không được sử dụng số tiền này. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án buộc ông D phải có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Trường hợp xấu nhất xảy ra đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì điều kiện hoàn cảnh ở xa xôi ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và ông xin được xử vắng vào các lần xét xử của Tòa án, quan điểm của ông và của cả gia đình giống như bản tự khai của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chu Quang Đ, Hoàng Thị N, chị Nguyễn Thị H, anh Vương Quốc H, chị Vương Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập báo gọi nhiều lần nhưng không đến tòa làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu quan điểm như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 290, 342, 355, 471, 474, 476, 715, 720, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc ông Chu Đức D phải trả cho Ngân hàng NN&PT NTVN tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.420.456.795 đồng (Trong đó: Số tiền gốc là 966.300.000 đồng; tiền lãi và lãi phạt quá hạn là 1.454.156.795 đồng) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên khoản

nợ gốc tính từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Ông Chu Đức D phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản nợ gốc là 966.300.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-2010000212 ngày 18 tháng 8 năm 2010.

Trường hợp ông Chu Đức D không thanh toán được toàn bộ số nợ trên thì xử lý bán phát mãi tài sản thế chấp gồm (02 tài sản) sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số U 901112, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4, diện tích: 206m², do UBND huyện Đ (Hà Nội) cấp ngày 26/3/2003 tại địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; đứng tên hộ gia đình ông Vương Quốc L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay 600.000.000 đồng (Trích đo hiện trạng thửa đất ngày 25 tháng 8 năm 2020).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số QSDĐ số W 210420, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 397, diện tích: 608m², do UBND huyện B cấp ngày 18/10/2002 tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện B, Vĩnh Phúc, đứng tên hộ ông Chu Quang Đ để đảm bảo cho khoản vay 400.000.000 đồng (Trích đo hiện trạng thửa đất ngày 18 tháng 8 năm 2020) và đề nghị giải quyết về án phí, lệ phí tố tụng theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng NN&PT NTVN khởi kiện yêu cầu ông Chu Đức D (không có giấy phép đăng ký kinh doanh) phải trả tiền vay từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, ông Chu Đức D vay tiền với mục đích mua bán phụ tùng xe có động cơ, nên đây là vụ án tranh chấp dân sự; vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chu Quang Đ, Hoàng Thị N, chị Nguyễn Thị H, anh Vương Quốc H, chị Vương Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập báo gọi nhiều lần nhưng không đến tòa làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Ngân hàng NN&PT NTVN giải ngân cho ông Chu Đức D vay vốn thông qua các hạn mức tín dụng và căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 2801113564236/HĐTD ký kết ngày 18/8/2010; hợp đồng trên được giao kết đúng quy định của pháp luật và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Ngân hàng nộp tại Tòa án cũng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng thì: Ngày 04/3/2010, Ngân hàng Agribank thông qua PGD Nam Vĩnh Yên- Agribank Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc đã ký kết với ông Chu Đức D Hợp đồng tín dụng số 2800134122304, theo đó Ngân hàng đã cho ông D vay số tiền 600.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 18/8/2010, do ông D có nhu cầu vay thêm 400.000.000 đồng nên Ngân hàng Agribank đã ký kết

với ông Chu Đức D Hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-2010000212, chuyển toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 2800134122304 ngày 04/3/2010 sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2010. Theo đó: Số tiền gốc ông D vay là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng (Kể từ ngày ký hợp đồng); lãi suất vay: 19.5%/năm; mục đích vay: Kinh doanh mua bán phụ tùng xe có động cơ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 25/2/2010, giữa Ngân hàng và ông Chu Đức D và hộ gia đình ông Vương Quốc L đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất QSDĐ số U 901112, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4, diện tích: 206m², do UBND huyện Đ (Hà Nội) cấp ngày 26/3/2003 tại địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; đứng tên hộ gia đình ông Vương Quốc L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Ngày 12/8/2010, giữa Ngân hàng, ông Chu Đức D và hộ gia đình ông Chu Quang Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là: đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hộ gia đình ông Chu Quang Đ QSDĐ số W 210420, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 397, diện tích: 608m², do UBND huyện Bình Xuyên cấp ngày 18/10/2002 tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện B, Vĩnh Phúc, đứng tên hộ ông Chu Quang Đ.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Tại bản tự khai ngày 18/8/2020, ông Chu Đức D cũng thừa nhận việc có ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên để vay vốn của Ngân hàng NN&PT NTVN; sau khi được giải ngân ông D mới trả được cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 91.427.778 đồng (Trong đó: Tiền gốc: 33,400,000 đồng, tiền lãi 58.027.778 đồng) sau đó ông Chu Đức D không trả được cho Ngân hàng nữa. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Chu Đức D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tiền gốc tính đến ngày xét xử là ngày 29/9/2021 tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.420.456.795 đồng (Trong đó: Số tiền gốc là 966.300.000 đồng; tiền lãi và lãi phạt quá hạn là 1.454.156.795 đồng) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc tính từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Ông Chu Đức D phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản nợ gốc là 966.300.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-2010000212 ngày 18 tháng 8 năm 2010 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp ông Chu Đức D không trả được số nợ trên cho Ngân hàng thì toàn bộ tài sản thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều khoản của hợp đồng thế chấp trên nghĩa vụ được đảm bảo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên là phù hợp với quy định của pháp luật; vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

[5] Về án phí: Ông Chu Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông Chu Đức D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Ông Chu Đức D phải trả cho Ngân hàng NN&PT NTVN- phòng giao dịch Nam Vĩnh Yên chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã tạm ứng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 290, 342, 355, 471, 474, 476, 715, 720, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Chu Đức D phải trả cho Ngân hàng NN&PT NTVN tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.420.456.795 đồng (Trong đó: Số tiền gốc là 966.300.000 đồng; tiền lãi và lãi phạt quá hạn là 1.454.156.795 đồng) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc tính từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Ông Chu Đức D phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản nợ gốc là 966.300.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-2010000212 ngày 18 tháng 8 năm 2010.

Trường hợp ông Chu Đức D không thanh toán được toàn bộ số nợ trên thì xử lý bán phát mại tài sản thế chấp gồm (02 tài sản) sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số U 901112, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4, diện tích: 206m², do UBND huyện Đ (Hà Nội) cấp ngày 26/3/2003 tại địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; đứng tên hộ gia đình ông Vương Quốc L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay 600.000.000 đồng (Trích đo hiện trạng thửa đất ngày 25 tháng 8 năm 2020).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số QSDĐ số W 210420, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 397, diện tích: 608m², do UBND huyện Bình Xuyên cấp ngày 18/10/2002 tại địa chỉ: thôn H, xã H, huyện B, Vĩnh Phúc, đứng tên hộ ông Chu Quang Đ để đảm bảo cho khoản vay 400.000.000 đồng (Trích đo hiện trạng thửa đất ngày 18 tháng 8 năm 2020).

Về án phí: ông Chu Đức D phải chịu 74.613.703 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả Ngân hàng 38.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006197 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

Ngân hàng NN&PT NTVN không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; ông Chu Đức D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.800.000

đồng. Ông Chu Đức D phải thanh toán trả cho Ngân hàng NN&PT NTVN số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.800.000 đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hiền